

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HS-ST

Ngày: 24 / 4 / 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Hiếu;

2. Ông Trần Thanh Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lý Chí Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2020 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 06/TB-TA ngày 01/4/2020, đối với bị cáo:

Đỗ Hải Đ, sinh ngày: 23/01/1995; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT: khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Tổ 3, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo : Đạo Phật; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Họ tên cha: Đỗ Văn T, sinh năm 1972; Họ tên mẹ: Trương Thị Mỹ D, sinh năm 1977; Vợ: Không rõ họ, tên, năm sinh; Con: Có 01 người, sinh năm 2017;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân: Ngày 24/8/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (theo Quyết định số 40/QĐ-TA), thời hạn 15 tháng, đã chấp hành xong ngày 26/8/2017 (theo Giấy chứng nhận số 192/GCN-CSĐTCNMT của Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh An Giang)

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/10/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1991, nơi cư trú: Tổ 34, khóm C 2, phường B, thành phố C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

2. Ông Trần Anh S, sinh năm 1984, nơi cư trú: Tổ 13, khóm H, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Ôn Thị Mai P, sinh năm 1984, vắng mặt;
2. Bà Cổ Quốc T, sinh năm 1989, vắng mặt;
3. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1990, vắng mặt;
4. Ông Huỳnh Thanh G, sinh năm 1985, vắng mặt;
5. Ông Hồ Thanh S, sinh năm 1991, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 07/6/2016, Công an phường Châu Phú B thành phố Châu Đốc kiểm tra hành chính nhà trọ “*Trung Hưng*”, tại khóm Châu Long 4, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, phát hiện tại phòng trọ số 02 do Đỗ Hải Đ, Trần Ánh S, Nguyễn Văn N thuê, thu giữ của D 01 túi nylon màu trắng chứa tinh thể màu trắng, nghi là ma túy đá nên tiến hành lập Biên bản phạm tội quả tang. D thừa nhận số ma túy đá do D mua, cất giấu, để sử dụng dần.

Vật chứng thu giữ: 01 túi nylon màu trắng chứa tinh thể màu trắng, nghi là ma túy đá; 02 bình thủy tinh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 4S màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SUPER PHONE màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu WIKO BLOOM màu đen; tiền VNĐ 525.000 đồng.

Căn cứ Bản kết luận giám định số 231/KLGT-PC54, ngày 01/07/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, ghi nhận: Mẫu gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 2,0657 gam, loại Methamphetamine.

Cáo trạng số 14/CT-VKSCĐ ngày 24/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố Đỗ Hải Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và

các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Ma túy là chất gây nghiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, đời sống tinh thần của con người, gây nguy hiểm đến trật tự xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Xét thấy, bị cáo đủ điều kiện để hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, “*Đầu thú*” quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

a) Về trách nhiệm hình sự:

* *Về hình phạt chính:* Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Hải Đ: từ 01 năm đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

* *Về Hình phạt bổ sung:* Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

b) Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu, tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và 02 bình thủy tinh.

+ Tịch thu sung quỹ 04 điện thoại di động (các nhãn hiệu IPHONE 4S, LG, SUPER PHONE VÀ WIKO BLOOM) và 80.000 đồng.

+ Trả lại cho bị cáo D số tiền 445.000 đồng, điện thoại di động nhãn hiệu OPPO.

Đối với người phụ nữ (không rõ họ tên, địa chỉ) bán ma túy cho Đỗ Hải Đ, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý sau. Đối với Trần Anh S, Nguyễn Văn N sử dụng trái phép chất ma túy, hiện đi khỏi địa phương, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người chứng kiến đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[3] Hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo D khai, bị cáo nghiện, sử dụng ma túy từ khoảng tháng 02/2016 đến ngày bị bắt quả tang. Ngày 07/6/2016, D mua ma túy đá của người phụ nữ (không rõ họ tên, địa chỉ), với giá 1.000.000 đồng, rồi rủ Nghĩa và Sáng sử dụng tại nhà trọ “Trung Hưng”. Đang lúc sử dụng thì bị lực lượng công an phát hiện bắt quả tang. Đối với số tiền Công an phường Châu Phú B thu giữ trong đó 445.000 đồng của D để tiêu xài; điện thoại di động nhãn hiệu OPPO tài sản sử dụng cá nhân, các điện thoại di động còn lại D không biết của ai; 02 bình thủy tinh là dụng cụ sử dụng ma túy.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú ngày 14/10/2019; lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến (Ôn Thị Mai P, Cổ Quốc T, Nguyễn Thị Ngọc Đ, Huỳnh Thanh G, Hồ Thanh S, Nguyễn Văn N, Trần Anh S (BL 95 - 130); Kết luận giám định số 231/KLGT-PC54, ngày 01/07/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định bị cáo đã có hành vi cất giấu ma túy đá với khối lượng 2,0657 gam, loại Methamphetamine để sử dụng; bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Ma túy là chất gây nghiện, là mầm mống làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm khác nên Nhà nước độc quyền quản lý, đồng thời nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt, sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn gây tác động xấu đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng

với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không;

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, xét thấy bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động không có nghề nghiệp; xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- 01 (một) phong bì ghi Niêm phong (vụ số 231/KLGT-PC54 ngày 01/7/2016 có dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Châu Đốc và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Kiều T, Nguyễn Tấn T, đây là vật cấm lưu hành. Xét, tịch thu tiêu hủy.

- 02 bình thủy tinh màu trắng, trên thân có 04 ống thủy tinh (đoạn ống) gắn với thân bình được đánh số thứ tự 1; 01 bình nhựa, màu trắng suốt, trên miệng bình có gắn ống phễu là dụng cụ sử dụng ma túy đá, xét tịch thu tiêu hủy;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 4S Model A1387 màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG, màn hình cảm ứng, có vỏ màu đen, số IMEI: 358712-04-059179-2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SUPER PHONE Model: K3, vỏ màu đen, bàn phím có nút bấm, số IMEI 35356304640517, số IMEI, 353563041640525; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng bị bể hai đường vỏ màu đen hiệu model WIKO BLOOM số IMEI 35386068234335; tiền VNĐ 80.000 đồng, cơ quan cảnh sát điều tra đã thông báo truy tìm chủ sở hữu, nhưng đến nay chưa xác định chủ sở hữu. Do đó, xét tịch thu sung quỹ.

- Riêng số tiền 445.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màn hình cảm ứng, có vỏ màu trắng, ốp lưng sau bằng nhựa trong suốt màu vàng, imei 1: 868791020908591, imei 2: 8687910208585 là của D không dùng vào việc phạm tội, xét giao trả cho bị cáo D.

[7] Những vấn đề khác: Đối với người phụ nữ (không rõ họ tên, địa chỉ) bán ma túy cho Đỗ Hải Đ, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý sau; Trần Anh S, Nguyễn Văn N sử dụng trái phép chất ma túy, hiện bỏ đi khỏi địa phương, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau là có căn cứ.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đỗ Hải Đ phạm tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Hải Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 14/10/2019 (ngày *mười bốn, tháng mười, năm hai nghìn không trăm mười chín*).

Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì ghi Niêm phong (vụ số 231/KLGT-PC54 ngày 01/7/2016 có dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Châu Đốc và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Kiều T, Nguyễn Tấn T.

+ 02 bình thủy tinh màu trắng, trên thân có 04 ống thủy tinh (đoạn ống) gắn với thân bình được đánh số thứ tự 1; 01 bình nhựa, màu trắng suốt, trên miệng bình có gắn ống phiếu;

- Tịch thu sung quỹ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 4S Model A1387 màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG, màn hình cảm ứng, có vỏ màu đen, số IMEL: 358712-04-059179-2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SUPER PHONE Model: K3, vỏ màu đen, bàn phím có nút bấm, số IMEI 35356304640517, số IMEI, 353563041640525; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng bị bể hai đường vỏ màu đen hiệu model WIKO BLOOM số IMEI 35386068234335; tiền VNĐ 80.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo Đỗ Hải Đ số tiền 445.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màn hình cảm ứng, có vỏ màu trắng, ốp lưng sau bằng nhựa trong suốt màu vàng, imei 1: 868791020908591, imei 2: 8687910208585.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Điều tra - Công an thành phố Châu Đốc với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc ngày 23/12/2019).

Căn cứ Điều 135, Điều 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Đỗ Hải Đ phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Thị Châu Ngọc